

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hồi phục trong phiên hôm nay, tuy nhiên đà hồi phục bị cản lại tại ngưỡng 1,325. Kết phiên, chỉ số đóng cửa tại mốc 1,316.23 điểm, tăng nhẹ gần 6 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 14/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bán lẻ dẫn đầu đà tăng, theo sau là ngành Hàng & dịch vụ công nghiệp,... Ở chiều ngược lại, ngành Dầu khí điều chỉnh gần 1%. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong trường hợp tích cực, VN-Index có thể giữ giao dịch trên vùng 1,300 – 1,305, nếu không, chỉ số có thể lùi về ngưỡng 1,275.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL giảm, ngược chiều với nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+5.66** điểm, đóng cửa tại **1316.23** điểm. HNX-Index **-0.09** điểm, đóng cửa tại **226.4** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VHM (+1.86)**, **GEE (+0.57)**, **VRE (+0.52)**, **TCB (+0.50)**, **STB (+0.42)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.21)**, **CTG (-0.18)**, **FPT (-0.17)**, **HPG (-0.15)**, **BSR (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **17,006** tỷ đồng, tăng **3.67%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,435 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 23.67 điểm. Thị trường có **162** mã tăng, 60 mã tham chiếu, **135** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **309.61** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **EIB (132.73 tỷ)**, **VIX (102.00 tỷ)**, **GEX (87.19 tỷ)**, **DGC (53.59 tỷ)**, **DXG (42.45 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.45** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.28%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGC (+3.63%) [\(Link báo cáo\)](#)
VHM (+2.69%) [\(Link báo cáo\)](#)
STB (+2.26%)
- BSC50 **+0.62%**. Các mã diễn biến tích cực:
DGW (+6.92%) [\(Link báo cáo\)](#)
FRT (+5.58%)
VTP (+3.98%)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.28%	0.62%	0.43%	0.59%
1 tuần	-2.10%	-1.94%	-2.30%	-2.30%
1 tháng	4.14%	4.71%	3.86%	3.89%
3 tháng	-6.77%	-5.61%	-1.36%	0.89%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,316.23	226.40	98.19
% 1D	0.43%	-0.04%	0.00%
GTKL (tỷ VND)	17,006	1,244	367
%1D	3.67%	-16.94%	-34.81%
GDNN (tỷ VND)	309.61	-17.45	-31.00

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
EIB	132.73	FPT	-80.40
VIX	102.00	CTG	-61.30
GEX	87.19	VIC	-59.90
DGC	53.59	VND	-44.30
DXG	42.45	HPG	-37.79

Thị trường thế giới

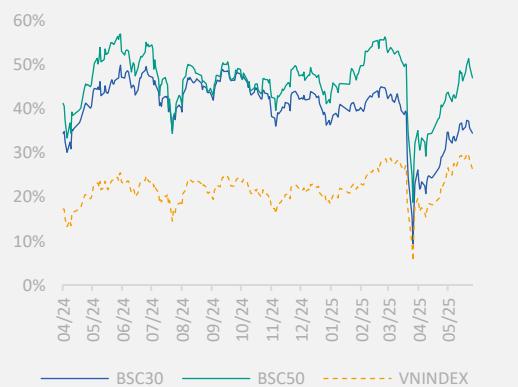
		%D	%W
SPX	6,006	0.09%	1.18%
FTSE100	8,865	0.37%	0.89%
Eurostoxx	5,410	-0.19%	0.93%
Shanghai	3,385	-0.39%	0.68%
Nikkei	38,212	0.32%	2.02%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	67.32	0.28%
Giá vàng	3,329	-0.52%
Tỷ giá		
USD/VND	26,220	0.00%
EUR/VND	30,572	0.20%
JPY/VND	184	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.3%	0.01%
LS LNH 1M	4.3%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

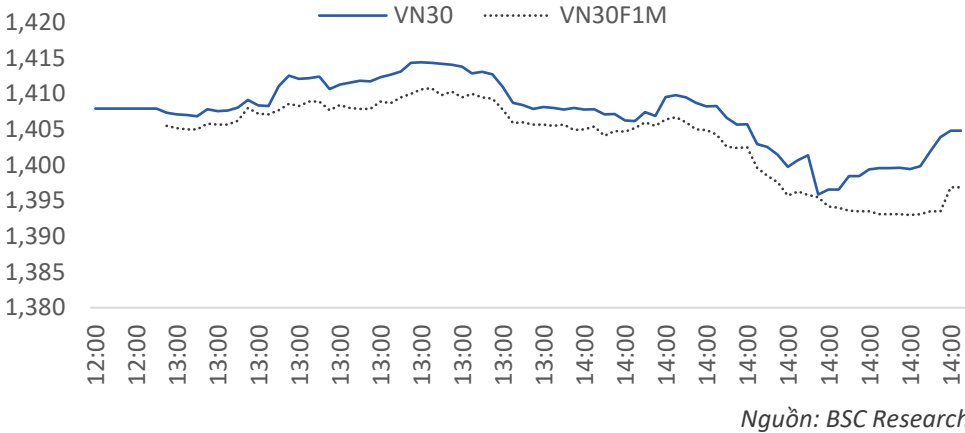
Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7



Mở tài khoản tại BSC

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1393.00	-0.31%	129	134.5%	18/09/2025	100
VN30F2512	1393.00	-0.21%	201	214.1%	18/12/2025	191
4111F7000	1395.60	-0.31%	1,127	180.3%	17/07/2025	37
VN30F2506	1396.90	-0.01%	234,757	56.6%	19/06/2025	9

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +8.26 điểm, đóng cửa tại 1404.82 điểm. Biên độ dao động 33.46 điểm. Các cổ phiếu như VHM, MWG, VRE, STB, TCB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 diễn biến giằng co trong suốt phiên, kết thúc trong sắc xanh nhẹ với thanh khoản tiếp tục duy trì dưới đường MA20. Nhiều cổ phiếu trong rổ chịu áp lực bán vào cuối phiên, tuy nhiên lực bán không quá mạnh để kéo giá xuống dưới tham chiếu. Trong bối cảnh thị trường đang chờ đợi thêm các thông tin hỗ trợ, NĐT được khuyến nghị duy trì sự thận trọng trong các phiên tới.
- Các HĐTL giảm, ngược chiều với nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, tất cả các HĐTL đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CTPB2501	30/06/2025	20	754,300	-86.22%	1.77	30	200.0%	12.11	1.80	13.05	13.05
CVNM2505	30/06/2025	20	200	-87.39%	6.78	50	66.7%	12.56	6.97	55.30	55.30
CVPB2412	30/06/2025	20	643,700	-86.99%	2.28	30	50.0%	8.05	2.34	17.95	17.95
CMWG2501	26/06/2025	16	725,300	-86.50%	6.20	420	40.0%	11.06	8.30	61.50	61.50
CTCB2406	30/06/2025	20	100	-75.55%	2.80	910	33.8%	5.45	7.35	30.05	30.05
CMWG2506	30/06/2025	20	209,800	-88.05%	6.69	220	29.4%	18.28	7.35	61.50	61.50
CSTB2506	30/06/2025	20	35,500	-79.14%	3.81	2,570	26.6%	19.55	8.95	42.90	42.90
CMSN2501	26/06/2025	16	121,300	-88.27%	7.20	50	25.0%	7.20	7.60	64.80	64.80
CSTB2507	21/07/2025	41	3,506,300	-79.86%	4.00	1,160	24.7%	9.73	8.64	42.90	42.90
CSTB2413	30/06/2025	20	440,900	-81.99%	3.97	940	22.1%	9.74	7.73	42.90	42.90
CSTB2501	26/06/2025	16	23,700	-68.83%	3.35	3,340	18.9%	13.19	13.37	42.90	42.90
CSTB2502	26/09/2025	108	8,800	-68.72%	3.55	3,290	18.8%	13.13	13.42	42.90	42.90
CSTB2410	4/11/2025	147	739,500	-75.41%	3.80	2,250	17.8%	13.06	10.55	42.90	42.90
CVPB2407	28/07/2025	48	672,100	-86.78%	2.10	70	16.7%	4.07	2.37	17.95	17.95
CSTB2509	20/10/2025	132	76,300	-77.30%	4.30	1,360	15.3%	9.67	9.74	42.90	42.90
CSTB2409	28/07/2025	48	2,025,100	-73.99%	3.60	1,890	13.9%	9.83	11.16	42.90	42.90
CSTB2510	19/11/2025	162	12,200	-76.13%	4.40	1,460	13.2%	9.65	10.24	42.90	42.90
CSTB2512	23/02/2026	258	25,200	-74.17%	4.60	1,620	12.5%	9.61	11.08	42.90	42.90
CVPB2410	14/08/2025	65	500	-82.44%	2.10	360	12.5%	5.43	3.15	17.95	17.95
CVPB2508	19/09/2025	101	20,700	-83.92%	2.17	370	12.1%	8.12	2.89	17.95	17.95

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

***:** Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 10/06/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CTPB2501 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 200.00%. CVIC2502 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.38%.
- CMBB2407, CVIC2503, CVIC2405, CVIC2502, CVHM2408 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVHM2504, CVIC2503, CFPT2402, CVRE2504, CVIC2405 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
VHM	72.60	2.69%	2.80
MWG	61.50	1.65%	1.62
VRE	26.50	3.72%	1.31
STB	42.90	2.26%	1.13
TCB	30.05	1.01%	0.86

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	115.70	-0.43%	-0.56
HPG	26.20	-0.38%	-0.50
MBB	24.20	-0.21%	-0.11
CTG	37.85	-0.39%	-0.07
GAS	62.90	-0.63%	-0.07

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VHM	72.60	2.69%	1.86	4.11
GEE	97.40	6.92%	0.57	0.37
VRE	26.50	3.72%	0.52	2.27
TCB	30.05	1.01%	0.50	7.06
STB	42.90	2.26%	0.42	1.89

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VFS	25.30	10.00%	0.21	0.13
BAB	11.60	1.75%	0.12	0.96
VCS	49.40	2.28%	0.12	0.16
NTP	74.30	1.36%	0.09	0.14
NVB	11.10	0.91%	0.08	1.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CCC	16.15	6.95%	0.01	0.58
DGW	37.10	6.92%	0.13	6.86
GEE	97.40	6.92%	0.57	0.96
PIT	6.98	6.89%	0.00	0.00
TEG	5.93	6.85%	0.01	0.44

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PGT	10.30	9.57%	0.03	0.00
SMT	9.40	9.30%	0.02	0.03
PTD	6.10	8.93%	0.01	0.00
POT	16.10	8.78%	0.10	0.01
VLA	11.00	7.84%	0.01	0.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	62.90	-0.63%	-0.21	2.34
CTG	37.85	-0.39%	-0.18	5.37
FPT	115.70	-0.43%	-0.17	1.47
HPG	26.20	-0.38%	-0.15	6.40
BSR	17.40	-1.14%	-0.14	3.10

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PVS	32.40	-2.41%	-0.24	0.48
CEO	17.90	-2.72%	-0.17	0.54
KSV	165.00	-0.60%	-0.13	0.20
THD	29.00	-1.36%	-0.10	0.38
SHS	13.20	-0.75%	-0.06	0.89

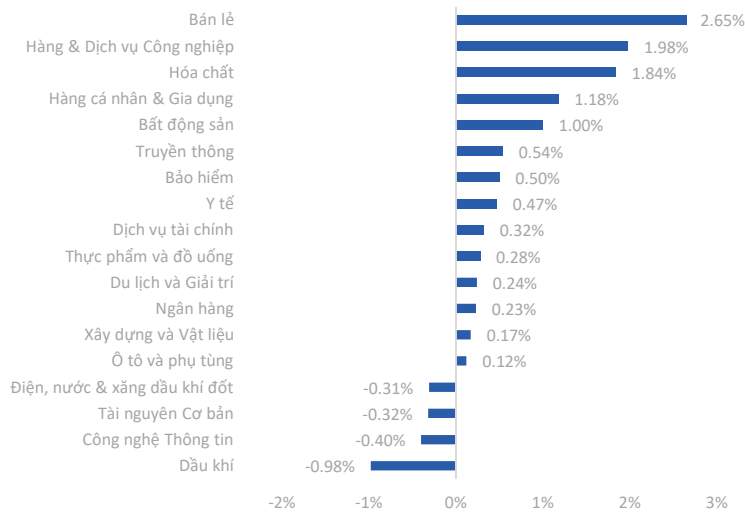
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
ITC	13.65	-6.83%	-0.02	2.82
HTN	9.70	-6.73%	-0.01	1.13
PNC	25.40	-6.62%	0.00	0.00
DAT	7.10	-6.58%	-0.01	0.00
DTA	4.20	-5.83%	0.00	0.01

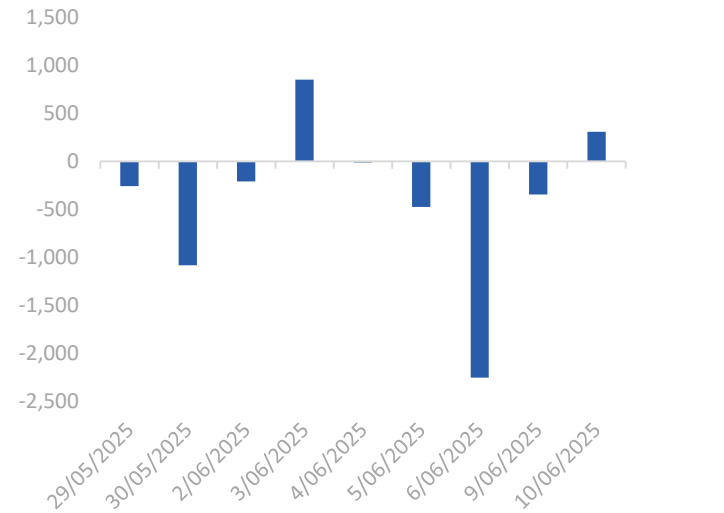
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
PTX	20.50	-9.69%	-0.05	0.01
VE3	7.70	-9.41%	0.00	0.00
VTJ	4.00	-9.09%	-0.02	0.00
BPC	11.20	-8.94%	-0.01	0.00
PSC	10.50	-8.70%	-0.02	0.00

Hình 1
Diễn biến ngành cấp 2



Hình 2
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	Giá mục tiêu (VNĐ)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
MWG	Bán lẻ	61.5	1.7%	1.5	90,954	666.6	2,979	20.7		47.8%	
KBC	Bất động sản	25.0	0.2%	1.4	19,190	79.8	1,629	15.4		17.6%	
KDH	Bất động sản	29.7	-0.5%	1.4	30,031	64.6	896	33.1		35.7%	
PDR	Bất động sản	17.8	0.3%	1.8	16,103	109.4	180	98.7	23,600	9.8%	Link
VHM	Bất động sản	72.6	2.7%	1.0	298,198	676.4	7,766	9.4	58,200	11.2%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	115.7	-0.4%	0.9	171,390	450.9	5,614	20.6	136,500	41.0%	Link
BSR	Dầu khí	17.4	-1.1%	0.0	53,949	40.1	(37)	-473.4		0.2%	
PVS	Dầu khí	32.4	-2.4%	1.4	15,486	194.6	2,303	14.1	39	14.9%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	25.5	0.2%	1.4	18,359	151.8	1,394	18.3		38.4%	
SSI	Dịch vụ tài chính	23.4	0.0%	1.2	46,043	315.6	1,546	15.1		34.3%	
VCI	Dịch vụ tài chính	35.5	0.7%	1.3	25,457	164.8	1,602	22.1		29.4%	
DCM	Hóa chất	33.8	1.1%	1.5	17,867	83.4	2,805	12.0	37,800	5.2%	Link
DGC	Hóa chất	91.3	3.6%	1.4	34,674	256.6	8,224	11.1	109,300	14.6%	Link
ACB	Ngân hàng	21.0	0.0%	0.8	107,613	233.5	3,224	6.5	30,400	29.9%	Link
BID	Ngân hàng	35.2	-0.1%	0.8	247,152	65.8	3,643	9.7	47,000	17.6%	Link
CTG	Ngân hàng	37.9	-0.4%	1.1	203,254	179.1	4,806	7.9	50,000	27.0%	Link
HDB	Ngân hàng	21.5	0.2%	1.1	75,144	182.5	3,985	5.4		16.7%	
MBB	Ngân hàng	24.2	-0.2%	1.0	147,675	316.1	4,049	6.0	28,200	23.2%	Link
MSB	Ngân hàng	11.7	0.9%	1.0	30,290	170.7	2,150	5.4	14,000	27.5%	Link
STB	Ngân hàng	42.9	2.3%	1.0	80,876	653.1	5,767	7.4		20.4%	
TCB	Ngân hàng	30.1	1.0%	1.1	212,299	515.5	3,013	10.0	32,700	22.5%	Link
TPB	Ngân hàng	13.1	0.0%	1.0	34,478	60.1	2,383	5.5	-	22.9%	Link
VCB	Ngân hàng	55.9	0.0%	0.8	467,082	135.6	4,063	13.8	69,200	22.1%	Link
VIB	Ngân hàng	17.9	0.0%	0.9	53,177	39.1	2,400	7.4	23,000	5.0%	Link
VPB	Ngân hàng	18.0	0.6%	1.0	142,414	427.2	2,030	8.8	24,000	24.4%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	26.2	-0.4%	1.3	167,582	869.2	1,954	13.4	35,800	21.8%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	15.9	-0.9%	1.7	9,843	78.9	749	21.2	16,800	8.6%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	29.8	-1.5%	1.5	9,973	219.5	3,930	7.6	32,200	3.2%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	64.8	1.1%	1.3	93,205	364.5	1,518	42.7	82,500	24.7%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	55.3	0.0%	0.6	115,575	166.6	4,194	13.2		48.4%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS (VNĐ)	P/E	NN sở hữu	ROE (%)	Link
DGW	Bán lẻ	37.1	6.92%	1.5	8,131	251.4	2,098	17.7	19.4%	15.7%	Link
FRT	Bán lẻ	179.9	5.58%	0.7	24,510	240.8	3,279	54.9	32.7%	24.0%	
BVH	Bảo hiểm	48.9	0.62%	1.0	36,300	14.7	2,975	16.4	27.2%	9.7%	
DIG	Bất động sản	17.8	-1.66%	1.7	11,507	255.0	303	58.7	3.6%	2.5%	
DXG	Bất động sản	15.8	0.96%	1.7	16,099	160.0	310	51.0	23.2%	2.5%	Link
HDC	Bất động sản	25.0	-1.38%	1.5	4,450	63.6	443	56.4	3.0%	3.4%	
HDG	Bất động sản	26.6	0.38%	1.4	8,930	50.5	839	31.7	19.6%	4.6%	Link
IDC	Bất động sản	40.5	0.75%	1.5	13,365	63.9	4,982	8.1	17.1%	31.2%	
NLG	Bất động sản	37.6	0.40%	1.6	14,479	156.1	1,827	20.6	45.1%	7.4%	Link
SIP	Bất động sản	64.5	0.00%	0.0	13,579	27.6	6,076	10.6	4.8%	29.7%	
SZC	Bất động sản	32.7	-0.76%	1.4	5,877	59.9	2,036	16.0	2.5%	11.8%	Link
TCH	Bất động sản	20.0	-0.50%	1.6	13,364	132.1	1,279	15.6	9.7%	9.1%	Link
VIC	Bất động sản	90.6	0.33%	1.1	346,424	628.1	2,823	32.1	7.7%	8.0%	
VRE	Bất động sản	26.5	3.72%	1.0	60,216	215.2	1,844	14.4	18.1%	10.1%	
CMG	Công nghệ Thông tin	34.1	-0.58%	1.3	7,205	25.5	1,654	20.6	36.2%	12.5%	
PLX	Dầu khí	35.5	-0.84%	1.1	45,106	23.2	1,535	23.1	17.2%	7.6%	Link
PVD	Dầu khí	19.0	-0.78%	1.3	10,562	106.9	1,246	15.3	5.7%	4.4%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	36.0	0.28%	1.7	12,098	77.5	1,650	21.8	27.7%	13.7%	
MBS	Dịch vụ tài chính	26.7	0.00%	1.6	15,293	76.9	1,650	16.2	7.1%	12.9%	
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	62.9	-0.63%	0.9	147,354	27.0	4,543	13.8	1.8%	17.0%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.1	-0.38%	1.3	30,561	83.3	546	23.9	3.6%	4.0%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	76.5	-0.65%	0.9	36,033	115.9	4,511	17.0	49.0%	11.4%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	89.0	0.23%	0.7	48,203	80.9	2,783	32.0	12.2%	8.9%	
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	35.7	1.86%	1.8	32,171	267.0	1,954	18.3	8.8%	12.8%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	55.6	0.91%	1.2	23,363	117.2	3,797	14.6	40.1%	11.9%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	70.5	-0.28%	1.3	9,158	197.0	5,594	12.6	8.5%	25.8%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	22.6	0.22%	1.2	8,028	23.6	3,026	7.5	10.3%	14.2%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	115.0	3.98%	0.0	14,005	188.2	3,235	35.6	5.9%	24.9%	
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	76.1	2.01%	1.1	25,715	51.3	6,105	12.5	48.8%	18.6%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	29.2	-1.02%	1.0	3,266	43.2	2,608	11.2	50.0%	13.2%	
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	18.3	-0.54%	1.6	2,244	9.1	2,580	7.1	16.2%	17.0%	Link
DPM	Hóa chất	34.9	3.11%	1.3	13,638	254.0	1,223	28.5	6.9%	4.3%	Link
GVR	Hóa chất	28.2	1.62%	1.6	112,600	46.4	1,174	24.0	0.9%	8.9%	
EIB	Ngân hàng	22.9	-0.87%	1.0	42,656	738.0	1,856	12.3	4.8%	14.0%	Link
LPB	Ngân hàng	31.5	0.64%	0.3	93,950	79.5	3,333	9.4	0.8%	23.7%	
NAB	Ngân hàng	16.5	0.00%	0.0	22,647	20.9	2,809	5.9	1.8%	20.4%	
OCB	Ngân hàng	11.0	2.33%	0.9	27,124	63.3	1,189	9.3	19.3%	9.4%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	13.0	-0.76%	1.7	5,818	97.5	1,122	11.6	5.2%	5.9%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	16.1	1.90%	1.6	4,273	18.3	612	26.2	0.9%	5.7%	
BAF	Thực phẩm và đồ uống	35.1	-0.85%	0.6	10,671	121.2	1,411	24.9	2.5%	12.2%	
SAB	Thực phẩm và đồ uống	48.9	0.00%	0.8	62,653	48.6	3,217	15.2	59.1%	17.2%	
VHC	Thực phẩm và đồ uống	53.9	-0.19%	1.2	12,098	33.1	5,567	9.7	22.0%	14.4%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	134.0	0.68%	0.8	10,969	10.4	13,288	10.1	85.6%	38.6%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	79.0	-0.38%	1.4	7,894	50.7	3,238	24.4	48.6%	3.7%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	90.8	2.25%	1.3	10,386	47.7	4,754	19.1	8.6%	29.3%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	67.0	2.29%	1.7	4,221	117.1	3,738	17.9	8.6%	12.2%	
HHV	Xây dựng và Vật liệu	12.2	0.00%	1.4	5,756	70.2	1,092	11.1	10.5%	5.2%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	22.8	0.66%	1.3	8,136	44.0	1,237	18.4	17.1%	8.1%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	21.5	0.23%	1.2	12,840	195.1	988	21.7	6.8%	7.4%	
VGC	Xây dựng và Vật liệu	43.8	-0.57%	1.5	19,615	31.0	2,720	16.1	5.6%	14.6%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 05/2025_Phát triển kinh tế tư nhân, nội lực tăng trưởng mới	x		Click
2	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 04/2025_Cập nhật diễn biến cuộc chiến thuế quan 2025	x		Click
3	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 03/2025_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
4	BSC_ Báo cáo vĩ mô tháng 02/2025_Thương chiến 2.0	x		Click
5	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
6	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
7	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
16	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
17	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
18	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
19	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
21	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
22	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
23	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
24	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long
Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Ngành – Doanh nghiệp
Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh
Chuyên viên phân tích
Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(024) 39264 659

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn
(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>